

Bản án số: 53/2020/HS-ST

Ngày 25/12/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HÓA, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Thiện Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Thuận;

2. Ông Hoàng Đức Thủy.

Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Hoàng Đại Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 54/2020/TLST - HS ngày 27/11/ 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2020/QĐXXST- HS, ngày 11/12/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn T** (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 11/3/1985 tại huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Xóm RC, xã BY, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T (đã chết tháng 10/2020) và bà Nguyễn Thị Ch; có vợ Phương Thị L và 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào, hiện tại ngoại (có mặt).

*** Bị hại:**

Chị Phạm Thị S, sinh năm: 1987. Nơi cư trú: Xóm TT, xã BY, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).

*** Người làm chứng:**

Chị Phương Thị L sinh năm 1991. Nơi cư trú: Xóm RC, xã BY, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 00 phút, ngày 30/9/2020 Phạm Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS: 20C1-129.3 đưa con đến trường Mầm non xã BY thuộc xóm Thảm Rộc, xã BY, huyện ĐH để học. Đến khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi đưa con vào lớp học, T đi ra cổng trường và ngồi chơi trước khu vực cổng trường (cạnh Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ xã BY). Khi đang ngồi chơi, T nhìn thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ của chị Phạm Thị S dựng ở đường đi vào cổng trường Mầm non xã BY (cách vị trí T ngồi khoảng 6,35m) bên dưới yên xe có 01 (một) dây quai túi xách màu đen thò ra ngoài, T nghĩ trong túi xách có tiền nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T đứng dậy, đi đến gần xe mô tô, tay cầm vào dây túi xách kéo ngược lên thì thấy yên xe bật mở ra, T nhìn thấy trong cốp xe có một túi xách màu đen, T cầm túi xách và đi về phía xe mô tô của mình. T cầm túi xách màu đen vừa trộm cắp được đặt vào giá để hàng ở phía trước yên, sau đó điều khiển xe mô tô bỏ đi. Khi đi ra khỏi khu vực xóm Thảm Rộc, xã BY, T dừng xe và cất chiếc túi xách vào trong cốp xe và tiếp tục điều khiển xe mô tô đến khu vực xóm Đá Bay, xã BY, huyện ĐH thì T dừng lại và mở cốp lấy chiếc túi xách ra kiểm tra, T thấy trong túi có nhiều tiền và một số giấy tờ như: Hóa đơn bán hàng, chứng minh thư, giấy phép lái xe, đăng ký xe. T lấy hết số tiền, giấy tờ trong túi xách bỏ vào cốp xe mô tô BKS: 20C1-129.31 và vứt chiếc túi xách vào thùng rác cạnh đường. Sau đó T điều khiển xe mô tô về nhà cất giấu số tiền trong góc nhà.

Về phía chị Phạm Thị S, ngay sau khi phát hiện bị mất tài sản, đã làm đơn trình báo đến Công an xã BY, huyện ĐH. Công an xã BY, huyện ĐH đã lập biên bản vụ việc, xác minh đối tượng đến ngày 03/10/2020 T đã đến Công an xã BY, huyện ĐH đầu thú khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình và giao nộp toàn bộ số tiền trộm cắp là: 9.785.000đ (chín triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng); 34 phiếu mua hàng; 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Phạm Thị S, 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Bùi Ngọc Tân. Công an xã BY, huyện ĐH đã lập biên bản người phạm tội ra đầu thú, niêm phong số tiền trong bì ký hiệu là A1 do T giao nộp, tạm giữ các giấy tờ và xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade BKS: 20C1-129.31 và chuyển hồ sơ, vật chứng, tài liệu đến Công an huyện ĐH giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Kết luận giám định số: 1337/KL-KTHS ngày 28/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Số tiền gửi giám định trong các phong bì (ký hiệu là A1) là tiền thật.

Ngày 05/11/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện ĐH đã trưng cầu định giá tài sản đối với túi xách T trộm cắp ngày 30/9/2020. Ngày 06/11/2020, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên tổ tụng hình sự của Ủy ban

nhân dân huyện ĐH có Công văn Thông báo số: 27/CV-HĐĐG trả lời quyết định trưng cầu định giá của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện ĐH: 01 (một) túi xách vải nhãn hiệu “BOBO”, màu đen, đã qua sử dụng do tài sản yêu cầu định giá chỉ có tên nhãn hiệu không có tên mã hiệu sản phẩm, không mô tả được đặc điểm cụ thể của tài sản như kích thước, kiểu dáng, hình ảnh nên không xác định, định giá được giá trị tài sản.

Vật chứng, phương tiện của vụ án gồm:

Số tiền 9.785.000đ (chín triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng); 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Phạm Thị S; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Phạm Ngọc Tân; 34 phiếu có nội dung “PHIẾU THU MUA BÚP CHÈ TƯƠI”, Cơ quan điều tra đã trả cho chị Phạm Thị S quản lý, chị S không yêu cầu bị cáo bồi thường túi xách hay bồi thường gì thêm.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Chị S đã nhận lại tiền và các giấy tờ cá nhân nên không yêu cầu T phải bồi thường. Đối với chiếc túi xách nhãn hiệu “BOBO” không tìm thấy, chị S cũng không yêu cầu T phải bồi thường.

Với hành vi nêu trên, tại bản Cáo trạng số: 54/ CT– VKSDH ngày 26/11/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo T ra trước Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà phát biểu quan điểm luận tội. Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, tính chất, hành vi của bị cáo, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 09 đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do bị cáo không có nghề nghiệp gì ổn định, không có tài sản gì có giá trị.

Về vật chứng, trách nhiệm bồi thường:

Số tiền 9.785.000đ (chín triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng); 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Phạm Thị S; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Phạm Ngọc Tân; 34 phiếu có nội dung “PHIẾU THU MUA BÚP CHÈ TƯƠI”, Cơ quan điều tra đã trả cho chị Phạm Thị S quản lý, chị S không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm vì vậy không xem xét gì thêm.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade BKS: 20C1-129.31, quá trình điều tra xác định là tài sản chung của vợ, chồng T nên ngày 14/11/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện DH đã trả lại cho vợ chồng T quản lý là đúng quy định của pháp luật.

Đối với chiếc túi nhãn hiệu “BOBO” của chị S, T khai đã vứt ở khu vực xóm Đá Bay, xã BY, huyện DH, sau khi tiếp nhận tin báo, Công an xã BY, huyện DH đã truy tìm nhưng không thấy, chị S cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường, vì vậy không đặt ra xem xét.

Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận: Bị cáo T không tranh luận, bào chữa gì.

Bị cáo T nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án nhẹ nhất được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] . Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát Điều tra, của Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, không có ý kiến, khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] . Về tội danh, điều luật truy tố:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay, bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai, các bản tự khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại về thời gian, địa điểm tài sản bị mất, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác Cơ quan Điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án như biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá và các tài liệu được thu thập khách quan có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 30/9/2020, tại khu vực cổng Trường mầm non xã BY, huyện DH, tỉnh Thái Nguyên, Phạm Văn T, có hành vi trộm cắp tài sản là 01 túi xách nhãn hiệu “BOBO” bên trong có: Số tiền 9.785.000đ (chín triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng), 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Phạm Thị S, 01 giấy phép lái xe mang tên Phạm Thị S, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Phạm Ngọc Tân, 34 phiếu có nội dung “PHIẾU THU MUA BÚP CHÈ TƯƠI”.

Hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

Do đó bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội danh và điều luật viện dẫn ở trên và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được Bộ luật hình sự bảo vệ. Hành vi bị cáo đã thực hiện phải được xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự.

Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy:

Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình vì vậy bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo lo sợ gọi điện cho vợ và được vợ động viên, bị cáo đã đến Công an đầu thú vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là đầu thú. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và có lý lịch, nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống chung trong xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo được cải tạo tại gia đình, địa phương nơi cư trú là thỏa đáng, mức hình phạt tù cho hưởng án treo mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp cần được chấp nhận.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập gì ổn định, không có tài sản gì có giá trị vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Số tiền 9.785.000đ (chín triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng), 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Phạm Thị S, 01 giấy phép lái xe mang tên Phạm Thị S, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Phạm Ngọc Tân, 34 phiếu có nội dung “PHIẾU THU MUA BÚP CHÈ TUỔI”, Cơ quan điều tra đã trả cho chị Phạm Thị S quản lý, sử dụng. Chị S đã nhận lại tiền và các giấy tờ cá nhân nên không yêu cầu T phải bồi thường gì thêm. Đối với chiếc túi nhãn hiệu “BOBO” của chị S, Công an đã truy tìm nhưng không thấy, chị S cũng không yêu cầu T phải bồi thường gì thêm, vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade BKS: 20C1-129.31 quá trình điều tra xác định là tài sản chung của vợ, chồng T nên ngày 14/11/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Công an huyện ĐH đã trả lại cho vợ chồng T quản lý, sử dụng là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ quy định tại Điều 259, khoản 2 Điều 260, khoản 1 Điều 268, khoản 1 Điều 269, khoản 1 Điều 298, Điều 299, Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự. Khoản 1 Điều 173, điểm i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội: “ Trộm cắp tài sản ”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i và s khoản và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Văn T cho Ủy ban nhân dân xã BY, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn T.

3. Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đã được trả lại cho bị hại, bị hại không yêu cầu phải bồi thường gì. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 135, 136, 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo; báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt báo cho biết, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Định Hóa;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an huyện DH (2 bản);
- Chi cục THADS huyện DH;
- Bị cáo; bị hại;
- THA hình sự ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thiện Hoàng